

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Bà Trịnh Thị Anh

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia Phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Tuấn K; nơi cư trú: Đại Thắng, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H; nơi ĐKKHKT: Đại Thắng, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H (hiện đang chấp hành án tại Cục C10 Trại giam Xuân Nguyên); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Bùi Tuấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2009 tại UBND phường Hòa Nghĩa, quận D, thành

phố H. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm chăm sóc gia đình con cái, chị H thường xuyên bỏ nhà đi làm ăn, tính cách hai vợ chồng không còn phù hợp. Hiện tại chị H vi phạm pháp luật đang chấp hành án tại Cục C10 Trại giam Xuân Nguyên. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 02-10-2009. Khi ly hôn anh đề nghị nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Việc kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như anh K trình bày là đúng. Hiện tại chị đang chấp hành án tại Cục C10 Trại giam Xuân Nguyên. Nay anh K đề nghị ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị đồng ý để anh K nuôi con chung; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H đang chấp hành án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh K vẫn đề nghị ly hôn, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Trước khi mở Phiên tòa, anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia Phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh K được ly hôn chị H và giao hai con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 02-10-2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, anh K không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại Pên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Tuấn K và chị Hoàng Thị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H năm 2009; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân H pháp. Anh Bùi Tuấn K có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, chị Hoàng Thị H có địa chỉ tại phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H. Tại Pên tòa, cả anh K chị H đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt cả hai bên theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Anh Bùi Tuấn K và chị Hoàng Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân H pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: Anh K chị H có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, chị H đang chấp hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở Pên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, song chị H đang chấp hành án nên không tiến hành hòa giải được. Anh K vẫn giữ quan điểm ly hôn chị H do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường H vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh K về việc ly hôn chị H là phù H với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[3] Anh K chị H có 01 con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 02-10-2009, khi ly hôn anh K đề nghị nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại chị H đang thi hành án; anh K yêu cầu nuôi con chung, chị H cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu của anh

K là phù H với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích H pháp của con, phù H quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh K chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[4] Anh K chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[5] Anh K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[6] Anh K chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn K được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Tuấn K trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 02-10-2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị H cho đến khi anh K có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh K chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi anh K chị H có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Bùi Tuấn K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0002804 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Anh Bùi Tuấn K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Tuấn K và chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết H lệ.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Hòa Nghĩa, quận D, tp H (ĐKKH số 48 - Q01/2009);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Vũ Quang Trung